

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thực hiện công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông, Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông - Thu chi tài chính
(theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS An Đồng báo cáo thường niên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1- Tên trường: Trường THCS An Đồng.
- 2- Địa chỉ: Thôn Cái tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0902.154.042.
- Website: <https://thcsandong.haiphong.edu.vn>

3- Loại hình trường: Công lập

- Cơ quan chủ quản: UBND huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1 Sứ mạng.

- Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

4.2. Giá trị cơ bản

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| - Tinh thần đoàn kết. | - Khát vọng vươn lên. |
| - Tinh thần trách nhiệm. | - Tính sáng tạo. |
| - Tính trung thực. | - Lòng tự trọng. |
| - Tình nhân ái. | - Sự hợp tác. |

4.3. Tầm nhìn.

Phấn đấu xây dựng trường trở thành trường chất lượng cao trong các trường học thuộc huyện và thành phố, phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

5. Mục tiêu

5.1. Mục tiêu tổng quát.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Phần đầu để trường THCS An Đông được xếp hạng cao trong các trường THCS của thành phố (không kể các trường chuyên)

5.2. Mục tiêu cụ thể.

- Đến năm 2024 trường THCS An Đông duy trì các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Chuẩn bị các điều kiện để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và trường chất lượng cao trong các trường THCS thuộc huyện An Dương.

- Đến năm 2025, trường THCS An Đông xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và giữ vững trường có chất lượng đứng ở tốp đầu của huyện An Dương.

Cụ thể năm học 2024 - 2025:

a. Quy mô phát triển

- Huy động: 1011 HS/25 lớp. Trong đó vào lớp 6: 249 HS/6 lớp.

- Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. Duy trì sĩ số học sinh, tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 0,5%.

- Duy trì tiêu chuẩn hiệu quả phổ cập TH&Nghề đạt 95% trở lên trong đó tốt nghiệp nghề đạt 5%-10%.

b. Chất lượng đội ngũ

- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, các qui định về đạo đức nhà giáo, qui tắc ứng xử trong trường học, các cuộc vận động lớn của ngành, luôn giữ gìn phẩm chất, danh dự uy tín nhà giáo.

- Giáo viên dạy được xếp loại Khá, Giỏi đạt từ 95% - 100%, không có giáo viên xếp loại yếu, kém về chuyên môn.

- Trình độ trên chuẩn (Thạc sỹ) phần đầu 10%

c. Chất lượng giáo dục

* Chất lượng đại trà

+ Kết quả rèn luyện: Đánh giá mức Tốt: 90%; Khá 9%; Đạt: 1%; chưa đạt 0%.

+ Kết quả học tập: Đánh giá mức Tốt: 25%; Khá 45; Đạt: 28%; chưa đạt không quá 2%,

- 100% học sinh không mắc các tệ nạn xã hội

- Học sinh lên lớp: 99% - 100%; Lưu ban không quá 0,2%.

- Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS đạt 100%.

- Học sinh lớp 9 thi đỗ vào lớp 10 THPT công lập đạt tỉ lệ 70% trở lên.

* Chất lượng học sinh giỏi

+ Cấp huyện: 60 - 65 giải.

+ Cấp TP: 8 - 10 giải.

+ Cấp quốc gia: 1 - 2 giải.

d. Công tác học sinh, sinh viên

- 100% các lớp thực hiện nghiêm túc Quy tắc ứng xử trong nhà trường; tiếp tục duy trì tốt phong trào “Công trường an toàn- văn minh”.

- 100% lớp học tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch nhà trường đạt hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tích cực tham gia chăm sóc, bảo vệ di tích lịch sử của địa phương.

- 100% các lớp học triển khai đạt hiệu quả các hoạt động an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, phòng chống tai nạn thương tích, công tác phòng cháy chữa cháy; vv....

- Duy trì hoạt động các CLB STEM phù hợp và hiệu quả. Đặc biệt đẩy mạnh hơn hoạt động của CLB Robot.

e. Tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư xây dựng duy trì trường chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Làm tốt công tác tham mưu với UBND xã An Đồng, UBND huyện An Dương xây dựng sân tập TDTT, nhà đa năng trong năm học 2024-2025 đảm bảo các yêu cầu của trường chuẩn Quốc gia mức 2.

- Huy động các nguồn lực xã hội, các tổ chức, cá nhân tài trợ bàn ghế, trang thiết bị hỗ trợ dạy học tại các phòng học như tivi, tủ sách vv...nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng các tiêu chí mức độ 2 trường chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục bổ sung các thiết bị cho phòng Lab STEM để tổ chức có hiệu quả hoạt động của CLB STEM Robot, Duy trì hoạt động của vườn thực nghiệm STEM.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

- Trường THCS An Đồng được thành lập năm 1962, tiền thân của trường là trường PTCS Đồng Tâm - Đồng Tiến. Năm học 1990 - 1991, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện An Hải trước đây, nay là Huyện An Dương đã quyết định tách trường PTCS Đồng Tâm và Đồng Tiến thành trường PTCS cấp I An Đồng và PTCS cấp II An Đồng theo Quyết định số 264/QĐ-UB ngày 8 tháng 8 năm 1991 của UBND Huyện An Hải, sau đó đến năm 1994 trường đổi tên thành trường THCS An Đồng như hiện nay. Trường có tổng diện tích 14250m², CSVC được xây dựng mới, tương đối khang trang, đáp ứng được yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục. Trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn một đầu tiên của thành phố năm 2004, cơ sở vật chất đáp ứng theo yêu cầu đổi mới giảng dạy. Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 chu kỳ 2 vào năm 2018.

7. Thông tin người đại diện pháp luật:

- **Họ và tên:** Đặng Kiều Thúy.

- **Chức vụ:** Bí thư chi bộ; Hiệu trưởng nhà trường.

- **Địa chỉ nơi làm việc:** Trường THCS An Đồng - Thôn cái tắt xã An Đồng; An Dương, Hải Phòng,

- **Số điện thoại:** 0902 154 042.

- email: thcsandongandung@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số 264/QĐ-UB ngày 8/8/1991 của UBND Huyện An Hải về việc thành lập trường PTCS thành trường PTCS cấp I và PTCS cấp II.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương về việc công nhận Hội đồng trường Trường trung học cơ sở An Đồng nhiệm kỳ 2022 - 2027.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương về việc điều động, luân chuyển, bổ nhiệm viên chức, theo đó đồng chí Đặng Kiều Thúy được điều động bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường THCS An Đồng.

- Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 19/09/2024 của UBND huyện An Dương về việc điều động, bổ nhiệm bà: Nguyễn Thị Thúy Mai, giáo viên trường THCS Đặng Cương đến nhận công tác tại trường THCS An Đồng, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng CDNN			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	T	Kh	Đ	CD	
	Tổng số GV, CBQL, NV	43		4	38				1	11	26	1	38			
I	Giáo viên	39		2	37					10	29	1	38			
Trong đó số GV dạy môn:																
1	Toán	10		1	9					5	5		10			
2	Lý	1			1					1			1			
3	Hóa	1			1						1		1			
4	Sinh	1			1						1		1			
5	Tin	1			1						1		1			
6	TD	2			2					1	0		1			
7	Ngữ Văn	8		1	7						7		8			
8	Sử	1			1						1		1			
9	Địa	1			1						1		1			
10	GDCD	2			2						1		1			
11	Ng ngữ	6			6						4	1	5			
12	CN	2			2					1	1		2			
13	Nhạc	1			1					1	1		1			
14	MT	1			1						1		1			

15	TPT	1			1			1			1		
II	Cán bộ QL	2		2				1	1		2		
1	Hiệu trưởng	1		1					1		1		
2	P hiệu trưởng	1		1				1			1		
III	Nhân viên	2			1			1					
1	Văn thư	0											
2	Kế toán	1			1								
3	Thủ quỹ	0											
4	Y tế	0											
5	Thư viện	0											
6	TB-TN	0											
7	Bảo vệ	1						1					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	31	01 lớp/phòng
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	31	01 lớp/phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1lớp/1phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	40,4 HS	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	14250 m ²	13,75m ² /1HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	3300 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1920 m ²	1,99m ² /1HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	522 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	90 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (m ²)	0 m ²	
5	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	72 m ²	
6	Diện tích phòng Đoàn - Đội	18 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (ĐVT: bộ)	2573	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	663	95 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 7	650	108 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	592	99 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	668	111 bộ/ lớp
2	Tổng số thiết bị DH tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1346 m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (ĐVT: bộ)	P. Tin học: 33 Phục vụ công tác QL: 10	Tổng 43
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng chung		
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	05	
5	Loa nén	03	
6	Loa thùng	02	
7	Âm ly	02	
8	Máy vi tính	43	
9	Camera	32	

STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
1	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
2	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	72 m ²		105 m ² / 105m ²		0,2 m ² /0,21
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

STT	Nội dung	Có	Không
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
2	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
3	Kết nối internet (ADSL)	Có	
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
5	Tường rào xây	Có	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					

Tiêu chí 1.1				X	
Tiêu chí 1.2				X	
Tiêu chí 1.3				X	
Tiêu chí 1.4				X	
Tiêu chí 1.5				X	
Tiêu chí 1.6				X	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1				X	
Tiêu chí 2.2				X	
Tiêu chí 2.3				X	
Tiêu chí 2.4				X	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và tiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1				X	
Tiêu chí 3.2				X	
Tiêu chí 3.3				X	
Tiêu chí 3.4				X	
Tiêu chí 3.5				X	
Tiêu chí 3.6				X	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1				X	
Tiêu chí 4.2				X	
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục					
Tiêu chí 5.1				X	
Tiêu chí 5.2				X	
Tiêu chí 5.3				X	
Tiêu chí 5.4				X	
Tiêu chí 5.5				X	
Tiêu chí 5.6				X	

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Tuyển sinh HS đã hoàn thành chương trình Tiểu học, theo thứ tự ưu tiên Đối tượng 1,2,3,4 cho đến khi đủ chỉ tiêu	Tuyển sinh HS đã hoàn thành chương trình Tiểu học, theo thứ tự ưu tiên Đối tượng 1,2,3,4 cho đến khi đủ chỉ tiêu	Tuyển sinh HS đã hoàn thành chương trình Tiểu học, theo thứ tự ưu tiên Đối tượng 1,2,3,4 cho đến khi đủ chỉ tiêu	Tuyển sinh HS đã hoàn thành chương trình Tiểu học, theo thứ tự ưu tiên Đối tượng 1,2,3,4 cho đến khi đủ chỉ tiêu
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở	Theo chương trình GDPT mới 2018 được ban hành theo Thông tư số	Theo chương trình GDPT mới 2018 được ban hành theo Thông tư số	Theo chương trình GDPT mới 2018 được ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-	Theo chương trình nhà trường sau khi rà soát, bổ sung theo CV 3280/BGDĐT-

	giáo dục thực hiện	32/2018/TT-BGDĐT; Tiếng Anh hệ 10 năm	32/2018/TT-BGDĐT; Tiếng Anh hệ 10 năm	BGDĐT; Tiếng Anh hệ 10 năm	GĐTrH của Bộ GD&ĐT; Tiếng Anh hệ 10 năm
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và Ban ĐDCMHS Yêu cầu HS thực hiện nghiêm túc các quy định trong Điều lệ trường THCS và bộ Quy tắc ứng xử trong trường học theo Thông tư 06/2019.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và Ban ĐDCMHS Yêu cầu HS thực hiện nghiêm túc các quy định trong Điều lệ trường THCS và bộ Quy tắc ứng xử trong trường học theo Thông tư 06/2019.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và Ban ĐDCMHS Yêu cầu HS thực hiện nghiêm túc các quy định trong Điều lệ trường THCS và bộ Quy tắc ứng xử trong trường học theo Thông tư 06/2019.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và Ban ĐDCMHS Yêu cầu HS thực hiện nghiêm túc các quy định trong Điều lệ trường THCS và bộ Quy tắc ứng xử trong trường học theo Thông tư 06/2019.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ cho việc dạy và học. HS được tham gia các hoạt động ngoại khóa, giáo dục KNS và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước	Cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ cho việc dạy và học. HS được tham gia các hoạt động ngoại khóa, giáo dục KNS và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước	Cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ cho việc dạy và học. HS được tham gia các hoạt động ngoại khóa, giáo dục KNS và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước	Cam kết đảm bảo đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu phục vụ cho việc dạy và học. HS được tham gia các hoạt động ngoại khóa, giáo dục KNS và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Kết quả rèn luyện mức Tốt, Khá đạt 99% trở lên Không có HS xếp loại mức chưa Đạt. Kết quả học tập mức Tốt 25%, Khá 45%, Đạt 29%, CĐ không quá 1%.	Kết quả rèn luyện mức Tốt, Khá đạt 99% trở lên Không có HS xếp loại mức chưa Đạt. Kết quả học tập mức Tốt 25%, Khá 45%, Đạt 28.7%, CĐ không quá 1,3%.	Kết quả rèn luyện mức Tốt, Khá đạt 99% trở lên Không có HS xếp loại mức chưa Đạt. Kết quả học tập mức Tốt 25%, Khá 45%, Đạt 28,7%, CĐ không quá 1,3%.	Hạnh kiểm Tốt và Khá đạt 99%. Không có HS xếp loại hạnh kiểm Yếu. Học lực Giỏi 25%, Khá 45%, TB 30%.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh đáp ứng được yêu cầu học tập ở các lớp tiếp theo, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới CTGDPT	Học sinh đáp ứng được yêu cầu học tập ở các lớp tiếp theo, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới CTGDPT	Học sinh đáp ứng được yêu cầu học tập ở các lớp tiếp theo, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới CTGDPT	Học sinh đáp ứng được yêu cầu học tập ở các lớp tiếp theo, đáp ứng được yêu cầu của đổi mới CTGDPT 2018 triển khai ở lớp 10 năm học 2023-2024

2. Chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường: (cuối năm học 2023 - 2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp
-----	----------	---------	-----------------------

			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (KQRL với lớp 6,7,8)	1021	300	235	227	259
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1005 98,43%	295 98,33%	235 100%	220 96,92%	255 98,46%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16 1,57%	5 1,67%	0	7 3,08%	4 1,54%
3	Trung bình (Đạt với lớp 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (Chưa đạt với lớp 6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực (KQHT với lớp 6,7,8)	1021	300	235	227	259
1	Giỏi (Tốt với L6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	344 33,69%	93 31%	87 37,02%	63 27,75%	101 39%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	442 43,29%	122 40,67%	103 43,83%	104 45,81%	113 43,63%
3	Trung bình (Đạt với L6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	226 22,14%	80 26,67%	44 18,72%	57 25,11%	45 17,37%
4	Yếu (Chưa đạt với L6,7,8) (tỷ lệ so với tổng số)	9 0,88%	5 1,67%	1 0,43%	3 1,32%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1021	300	235	227	259
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1012 99,12%	295 98,33%	234 99,57%	224 98,68%	TN 259 100%
a	Học sinh xuất sắc	46 6,04%	13 4,33%	19 8,09%	14 6,17%	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	197 25,85%	80 26,67%	68 28,94%	49 21,59%	101 39%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	113 11,07%				113 43,63%
2	Thi lại, rèn luyện lại (tỷ lệ so với tổng số)	9 0,88%	5 1,67%	1 0,43%	3 1,32%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	20/39	2/10	7/17	5/8	6/4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	04	0	0	0	4
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	95	7	22	26	40
2	Cấp tỉnh/thành phố	12	1	6		5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					259
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					259
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					101 39%

AN
3P
10C
2C
|
*

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					113 43,63%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					45 17,37%
VII	Số học sinh thi đỗ vào 10 (tỷ lệ so với tổng số dự thi) Số học sinh học các loại hình					115 72,8% 250
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	524/497	154/146	124/111	113/114	133/126
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	4		1	2	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (theo biểu mẫu 2, 3, 4); Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023

- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024

- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách. Công khai các khoản thu và kế hoạch vận động tài trợ giáo dục trong nhà trường.

- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập; miễn, giảm học phí theo nghị định 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh cụ thể tới 2 tổ chuyên môn và giáo viên. Hàng tháng hai tổ chuyên môn tổ chức hội thảo đổi xây dựng tiết dạy và lên lớp thể nghiệm đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy trong đó đã đảm bảo thể hiện được đổi mới phương pháp và hình thức giảng dạy, các yêu cầu về kỹ thuật, Điểm nổi bật là kế hoạch bài dạy của giáo viên đã thể hiện được rõ định hướng phát triển các phẩm chất và năng lực của người học trong mỗi chủ đề/bài học. Quá trình giảng dạy có chú ý rèn phương pháp tự học, tự nghiên cứu của học sinh, dành thời gian nhiều cho học sinh trình bày, thảo luận, thực hành, luyện tập...

- Tiếp tục triển khai giáo dục STEM trong nhà trường theo đúng Công văn số 2771/SGDDĐT-TrH ngày 24/08/2023 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục STEM năm học 2023 - 2024. Duy trì hoạt động CLB STEM Robot, CLB nghiên cứu KHKT. Có 02 HS tham gia thi KHKT cấp huyện đạt giải Ba

2. Kết quả đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá.

- Việc kiểm tra, đánh giá và lấy điểm thường xuyên, định kỳ được thực hiện theo đúng Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học đối với lớp 9 còn đối với lớp 6,7,8 được thực hiện theo đúng Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021.

- Việc thực hiện ra đề kiểm tra định kỳ (GK và CK) được thống nhất trong nhóm chuyên môn từ khâu lập ma trận, bản đặc tả đến khâu ra đề kiểm tra, bám sát chuẩn KTKN, có chú ý các câu hỏi, bài tập mang tính thực tiễn. Bài kiểm tra định kỳ được tổ chức kiểm tra chung toàn khối ở tất cả các bộ môn, đảm bảo công bằng, khách quan. Chế độ chấm, trả bài kiểm tra được thực hiện khách quan, công bằng theo đúng quy định về thời gian.

- Việc quản lý điểm được thực hiện bằng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo đúng Quy chế sử dụng sổ điểm, học bạ điện tử của Sở GD&ĐT Hải Phòng, đảm bảo đủ và chính xác số điểm đánh giá và nhận xét.

- Thực hiện kiểm tra nội bộ trường học đúng quy định, toàn diện ở tất cả các bộ phận, lĩnh vực trong nhà trường. 100% giáo viên được kiểm tra toàn diện, kết quả 36/36 giáo viên xếp loại Tốt.

3. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh.

- Nhà trường làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp đối với học sinh và tư vấn, định hướng phân luồng học sinh (đặc biệt với học sinh lớp 9) theo đúng Hướng dẫn số 1886/SGDDĐT-GDTrH của Sở GD&ĐT Hải Phòng về hướng dẫn công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh. Triển khai cơ bản có hiệu quả dạy nội dung hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp lớp 6,7,8. Công tác dạy hướng nghiệp đối với các lớp 9 được GVCN lớp dạy lồng ghép trong HĐNGLL, môn GD CD, nội dung giáo dục địa phương và các môn học khác.

- Tổ chức khảo sát chất lượng và tổ chức lấy phiếu khảo sát định hướng nhu cầu nghề nghiệp của học sinh sau THCS đối với lớp 9. Tổ chức cho học sinh lớp 8,9 tham gia hoạt động Trải nghiệm - Hướng nghiệp chủ đề “Em với cộng đồng” Tìm hiểu khu di tích lịch sử K9 Đá Chông và Trải nghiệm thực tế tại làng văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Thông tin rộng rãi tới cha mẹ học sinh nhu cầu về việc làm, thu nhập, yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ để cha mẹ cùng với học sinh định hướng, lựa chọn nghề cho tương lai cho con.

*) Khó khăn

- Địa bàn xã An Đông tiếp giáp với các Quận nội thành (Hồng Bàng và Lê Chân) do đó dân số cơ học thường xuyên biến động, dẫn đến số học sinh chuyển đi, đến nhiều gây khó khăn cho việc theo dõi định hướng nghề nghiệp

4. Kết quả công tác giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, đảm bảo an ninh, an toàn trường học phòng chống dịch bệnh.

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm, đặt lên hàng đầu. Trong HK1 nhà trường đã tổ chức được các chuyên đề tuyên truyền sau:

+ Phối hợp với công an huyện An Dương tuyên truyền về giáo dục trật tự an toàn giao thông đường bộ và kỹ năng phòng cháy, chữa cháy.

+ Tham gia Giải chạy học sinh, sinh viên S-Race 2023 tại Nhà hát thành phố Hải Phòng với chủ đề “ Vì tâm vóc Việt”

+ Phối hợp cùng Thành đoàn Hải Phòng và Hội bảo vệ Quyền trẻ em thành phố tổ chức trao quà và học bổng của Thành Đoàn Hải Phòng cho 20 em học sinh của trường có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Trung thu.

+ Phối hợp cùng Trung tâm kiểm soát bệnh tật - Sở Y tế TP Hải Phòng tổ chức truyền thông phòng chống HIV/AIDS với chủ đề “Chấm dứt dịch AIDS”

+ Tuyên truyền luật an ninh mạng và an toàn khi sử dụng mạng Internet;

+ Tuyên truyền phòng chống thuốc lá điện tử, phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm với chủ đề “Em với cộng đồng” Tìm hiểu khu di tích lịch sử K9 Đá Chông và Trải nghiệm thực tế tại làng văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm STEM với chủ đề “Xuân yêu thương”

+ Tổ chức Lễ kết nạp Đoàn viên cho 85 học sinh tiêu biểu nhân dịp kỷ niệm ngày sinh đồng chí Lý Tự Trọng tại nhà tưởng niệm Lãnh tụ Nguyễn Đức Cảnh (thuộc Chương trình tháng thanh niên của thành đoàn Hải Phòng)

+ Tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp thành phố.

- Bên cạnh đó nhà trường tổ chức dạy lồng ghép công tác giáo dục đạo đức, lối sống, giảng dạy kỹ năng sống, giáo dục pháp luật cho học sinh trong các tiết học môn GDCD, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Giáo dục địa phương, ...

6. Kết quả triển khai tổ chức các kỳ thi dành cho học sinh

- Nhà trường có kế hoạch và triển khai đầy đủ các kỳ thi theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hải Phòng, Phòng GD&ĐT An Dương dành cho học sinh. Trong năm học 2023 - 2024 nhà trường đã tổ chức cũng như tham các cuộc thi sau:

+ Triển khai cuộc thi KHKT cấp trường dành cho học sinh; tham gia thi KHKT cấp huyện đạt 02 giải Ba.

+ Triển khai tổ chức thi Toán tiếng Anh, KHTN bằng Tiếng Anh cấp trường dành cho học sinh; tham gia thi Toán, KHTN bằng Tiếng Anh cấp huyện. Kết quả Toán TA8 đạt 2 giải KK, KHTN bằng TA đạt 1 giải KK

+ Tham gia thi giải Toán bằng máy tính cầm tay cấp huyện. Kết quả 02 giải khuyến khích cấp huyện.

+ Tham gia cuộc thi “Thầy cô trong mắt em” do Công đoàn ngành phát động. Có 3 bài dự thi cấp huyện, 01 bài đạt giải KK cấp huyện (3 học sinh cùng đạt giải)

+ Tham gia các nội dung TDTT tại Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện đạt 21 giải; nhiều học sinh được chọn vào đội tuyển dự thi Hội khỏe Phù Đổng thành phố. Tham gia Hội khỏe Phù Đổng thành phố lần thứ XVII, kết quả đạt tổng 09 huy chương gồm Cầu lông: 02 HCB; 04 HCD; Taekwondo: 01 HCD; Karate: 01 HCD; Bơi: 01 KK

+ Tham gia thi chọn HSG cấp huyện các môn lớp 8, 9 cấp huyện đạt 26; tham gia thi cấp TP đạt 03 giải (Giải Ba: 01 môn Tiếng Anh; giải KK: 02 môn Sinh, Công nghệ)

+ Tổ chức tốt các vòng thi Vioympic Tiếng Anh(IOE): Đạt 12 giải cấp huyện

+ Tổ chức tốt các vòng thi Violympic Toán, (IOE): Đạt 19 giải cấp huyện

+ Tổ chức tốt các cuộc thi “Thầy cô trong mắt em”; “Sáng kiến Phòng chống bạo lực học đường lao động trẻ em”; Vẽ tranh theo Sách - Báo; Kể chuyện theo sách - báo; Thi đại sứ văn hóa đọc ” Cờ vua năm 2024’.

+ Triển khai Cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai do Bộ GD&ĐT tổ chức.

7. Kết quả việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết của việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa GDPT đến cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, cha mẹ học sinh toàn trường.

- Thực hiện lựa chọn sách giáo khoa đúng quy trình, triển khai dạy chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6,7,8 đảm bảo yêu cầu, cơ bản có hiệu quả ở tất cả các môn và các hoạt động giáo dục.

- Chú trọng công tác bồi dưỡng giáo viên, trong đó tập trung các nội dung của chương trình giáo dục phổ thông 2018 thông qua hình thức tự học và học qua hệ thống LMS. Cử 08 giáo viên đang tham gia bồi dưỡng các môn KHTN, LS-Đ, tâm lý học đường (03 GV tham gia bồi dưỡng kiến thức KHTN; 04 GV tham gia bồi dưỡng kiến thức LS-ĐL; 01 GV tham gia bồi dưỡng TLHĐ).

- Luôn chủ động đổi mới phương thức quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT mới, trong đó thực hiện tốt công tác giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; nâng cao vai trò, trách nhiệm của hiệu trưởng trong chỉ đạo chuyên môn; phát huy tính tích cực, chủ động của tổ trưởng chuyên môn và giáo viên giỏi trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng từ tổ chuyên môn, tạo điều kiện cho các tổ nhóm chuyên môn được linh hoạt áp dụng các hình thức tổ chức giáo dục, các phương pháp dạy học tiên tiến. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của trường phải dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục tăng cường bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học còn thiếu phục vụ cho hoạt động dạy học, đổi mới phương pháp giáo dục, cũng như đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

8. Kết quả công tác phân luồng và tổ chức ôn tập thi vào lớp 10 THPT

- Nhà trường thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh lớp 9 đăng ký thi và học tại các trường THPT (trong và ngoài công lập). Kết quả 159 học sinh thi THPT; 88 học sinh học THPT ngoài công lập; 10 học sinh học nghề.

- Tổng số học sinh đỗ vào lớp 10 công lập năm học 2023 - 2024: 115/158 học sinh dự thi, trong đó có 2 học sinh đỗ THPT chuyên Trần Phú.

9. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục, quản lý phổ cập giáo dục.

- Chủ động tham mưu với Ban chỉ đạo PCDG-XMC xã xây dựng kế hoạch, nguồn lực tham gia công tác PCGD-XMC. Triển khai rà soát, điều tra các đối tượng trong độ tuổi phải phổ cập trên địa bàn xã. Duy trì và giữ vững các chỉ tiêu phổ cập giáo dục trung học. Đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để b/c);
- Lưu: VT;



HIỆU TRƯỞNG

Đặng Kiều Thúy

